

Bản án số: **108/2024/HNGĐ-PT**

Ngày: 12 – 9 – 2024

V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 81/2024/TLPT-HNGĐ ngày 20/8/2024 về “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1015/2024/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H bị bà Bùi Thị Mỹ Y kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4891/2024/QĐXXPT – HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mỹ Y, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Số 143/36/22 Đường liên khu 5-6, phường BHH B, quận BT, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Phan Văn P, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, Tổ 16, Ấp 6, xã ĐT, huyện HM, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ Y trình bày:

Bà Bùi Thị Mỹ Y và ông Phan Văn P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 12/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TP, tỉnh QT. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống ở mọi mặt trong đời sống chung của vợ chồng. Bà Y và ông P hay tranh cãi và không còn tìm được tiếng nói chung, dù đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, tìm cách khắc phục mâu thuẫn, bất đồng nhưng vẫn không khắc phục được. Bà Y và ông P đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay. Nay bà Y nhận thấy không còn tình cảm yêu thương ông P, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài thêm được nữa nên bà Y yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nhã U, sinh ngày 14/8/2018 và Phan Văn Phúc T, sinh ngày 28/02/2021. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu giao con chung Phan Nhã U cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phan Văn Phúc T cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Bà Y trình bày từ tháng 11/2021, bà Y và ông P có mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, ông P thường xuyên đánh đập bà Y. Mẹ chồng bà Y thì bệnh vực con trai nên bà Y bị gia đình chồng đuổi ra khỏi nhà. Hiện tại bà Y đang ở nhờ nhà anh chị ở quận BT. Việc ông P thường xuyên đánh bà Y có chụp hình lại làm bằng chứng, tuy nhiên khi vụ việc xảy ra, bà Y không có trình báo Công an hay chính quyền địa phương vì sợ ảnh hưởng đến các con. Từ tháng 11/2021 đến nay, bà Y và ông P sống ly thân nên bà Y không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Bà Y vẫn thường xuyên về bên nhà chồng để thăm các con nhưng mẹ chồng đuổi và ngăn cấm không cho bà Y thăm các con, kể cả khi bà Y lên Trường mẫu giáo để thăm con nhưng mẹ chồng vẫn bức xúc, chửi mắng ngăn không cho cô giáo để bà Y thăm gặp con.

Sau khi ra khỏi nhà, bà Y và ông P vẫn gặp nhau. Ông P vẫn chở các con đến gặp bà Y, mỗi tháng khoảng 01, 02 lần. Bà Y vẫn mua bánh kẹo, sữa, quần áo cho các con. Bà Y tha thiết mong Tòa án xem xét nguyện vọng của bà Y được nuôi dưỡng bé gái, vì con gái nên cần ở với mẹ để sau này con lớn, bà Y gần gũi và chăm sóc con về mặt tâm sinh lý sẽ tốt hơn ở với bố cũng như bà Y rất nhớ và thương các con của mình. Hoàn cảnh của bà Y không thể nuôi hai con chung cùng lúc nên bà Y không đồng ý với việc ông P giao cả hai con cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại bà Y đang ở nhờ nhà anh chị, công việc cũng ổn định, nếu được nuôi con gái, bà Y sẽ sắp xếp thời gian và công việc để chăm sóc con với điều kiện tốt nhất.

Bà Y không có tài liệu chứng cứ nào khác ngoài hợp đồng lao động và sao kê bảng lương để gửi cho Tòa án chứng minh mình có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đối với hai con chung tên Phan Nhã U và Phan Văn Phúc T. Tại phiên tòa, bà Y có giao nộp Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại Phan Muôn lập ngày 17/6/2024. Mong Tòa án xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn P trình bày:

Bà Y và ông P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày

12/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TP, tỉnh QT. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2021, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống ở mọi mặt trong đời sống chung của vợ chồng. Bà Y và ông P hay tranh cãi và không còn tìm được tiếng nói chung, đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, tìm cách khắc phục mâu thuẫn, bất đồng nhưng vẫn không khắc phục được. Bà Y và ông P đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Hiện nay bà Y yêu cầu ly hôn thì ông P đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Nhã U, sinh ngày 14/8/2018 và Phan Văn Phúc T, sinh ngày 28/02/2021. Khi ly hôn, ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Phan Nhã U, Phan Văn Phúc T, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng tiền nuôi con.

Từ tháng 11/2021, ông P và bà Y sống ly thân vì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, bản thân bà Y không thường xuyên đến thăm các con như bà Y trình bày. Gia đình ông P không có ngăn cản. Ông P chỉ một lần chở các con đi gặp mẹ vì ông P không cấm cản bà Y về thăm con, chỉ là do bà Y không chịu về thăm con mình. Từ lúc sống ly thân, bà Y không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Mọi việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón con đi học mỗi ngày cũng như lo lắng về sức khỏe, tâm sinh lý của hai con là do ông P trực tiếp nuôi dưỡng với sự trợ giúp của ông bà nội. Hiện ông P đang ở cùng ba mẹ, có nhà cửa và công việc làm ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Ba mẹ ông P nay khoảng 60 tuổi, sức khỏe vẫn tốt để phụ giúp chăm sóc các con.

Ông P xin Tòa án xem xét để giao hai con chung cho ông P nuôi dưỡng, vì các cháu đã ổn định về điều kiện sống, phát triển về thể chất, tinh thần, không cần thiết phải xáo trộn cuộc sống của các cháu. Trẻ Nhã U sắp vào lớp 1, cần ổn định việc học, ông P cũng đã làm xong thủ tục để cháu U vào học lớp 1 ở trường tiểu học gần nhà. Ông P có nơi ở ổn định, việc cư trú cũng ổn định hơn bà Y. Còn trẻ Phúc T đã ở với ông P từ khi sinh ra, trong khi bà Y đã không ở cùng con từ năm 2021 đến nay. Ông P có nguyện vọng được nuôi hai con vì ông P không muốn chia tách các con, mỗi đứa ở một nơi, vì cha mẹ ly hôn trẻ đã thiệt thòi vắng tình cảm gia đình. Nếu bà Y đồng ý nuôi cả hai con, ông P đồng ý giao cả hai con cho bà Y nuôi dưỡng vì muốn hai chị em được ở cùng nhau.

Ông P đã giao, gửi các tài liệu chứng cứ chứng minh mình có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đối với hai con chung. Ông P đã được tiếp cận Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại Phan Muôn lập ngày 17/6/2024 và không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1015/2024/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H đã nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mỹ Y và ông Phan Văn P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân

dân xã TT, huyện TP, tỉnh QT cấp ngày 12/02/2018 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Mỹ Y và ông Phan Văn P là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Mỹ Y: Căn cứ lời khai của các đương sự thì đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà Y và ông P có phát sinh mâu thuẫn và tình trạng này vẫn kéo dài ít nhất là từ năm 2021 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng bà Y và ông P không thể hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau, mạnh ai nấy sống, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, bà Y và ông P cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung vợ chồng của bà Y và ông P đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà Y được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà Y và ông P có hai con chung tên Phan Nhã U, sinh ngày 14/8/2018 và Phan Văn Phúc T, sinh ngày 28/02/2021.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với con chung, bà Y và ông P đều có tình yêu thương con như nhau, đều muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi cần xét đến hoàn cảnh thực tế của mỗi bên sau khi ly hôn để quyết định nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ. Theo ông P khai có nghề nghiệp ổn định, hiện là công nhân của Công ty cổ phần A với mức thu nhập hàng tháng khoảng 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng; bà Y cho biết cũng có công việc ổn định, hiện là công nhân của Công ty cổ phần A với mức thu nhập hàng tháng khoảng 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng nên đảm bảo cuộc sống cho con, tuy nhiên như trên đã nhận định việc giao con cho ai trực tiếp nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ.

Về điều kiện chỗ ở và giờ giấc làm việc: Bà Y hiện đang ở nhờ nhà anh chị ở quận BT, nhà anh chị làm xưởng may gia công ở kế bên, bà Y làm việc tại quận TP; Ông P đang ở cùng với cha, mẹ ruột ở huyện HM, làm việc ở quận TP. Cả hai đều làm việc trong giờ hành chính, và có thời gian tăng ca làm đêm. Nếu tăng ca, bà Y sẽ gọi con nhờ cô giáo đón hoặc anh chị đón; còn ông P sẽ nhờ ông bà nội hỗ trợ việc đưa đón, chăm sóc con.

Về nơi học tập của hai trẻ: Hiện trẻ U đang học lớp Lá của trường mẫu giáo P tại xã ĐT, huyện HM, đã hoàn tất thủ tục nhập học lớp 1 ở một trường tiểu học gần nhà. Trẻ T đang học lớp Mầm của trường mẫu giáo P tại xã ĐT, huyện HM, cùng trường với trẻ U. Hàng ngày ông P phụ trách đưa đón trẻ đi học, có sự phụ giúp của ông bà nội.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét về việc làm, thu nhập, chỗ ở thì cả bà Y và ông P đều có điều kiện như nhau nhưng trên thực tế con chung đang sống cùng với cha, trẻ đang đi học ở nhà trẻ gần nhà, đã hoàn tất thủ tục nhập học lớp 1, bên cạnh đó ông P còn có sự hỗ trợ, giúp đỡ của ông, bà nội nên việc đưa đón, chăm sóc, dạy dỗ con chung trong thời gian vừa qua không có vấn đề gì cần lưu ý. Ông P và gia đình chăm sóc trẻ U phát triển tốt, việc học của trẻ U ổn định bình thường, sức khỏe tinh

thần của trẻ phát triển tốt. Bà Y cũng không có ý kiến về việc này. Trẻ U hiện chỉ 06 tuổi nên không đủ điều kiện để xem xét nguyện vọng của trẻ. Việc thay đổi môi trường sống hiện tại sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của trẻ U cũng như việc học của trẻ khi chuẩn bị vào lớp 01.

Biên bản xác minh tại Công an xã ĐT, huyện HM xác nhận nội dung ông P cùng hai trẻ U và T đang cư trú tại nhà không số, Ấp 6, xã ĐT, huyện HM, đồng thời tại đơn xác nhận ngày 16/01/2024, Công an xã ĐT, huyện HM xác định bà Y không cư trú tại Ấp 6, xã ĐT, huyện HM từ năm 2021 đến nay. Như vậy, có cơ sở xác định bà Y không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T từ khi cháu mới 08 tháng tuổi. Hiện tại, cháu T đã quen với điều kiện, môi trường sống và được ông P nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất. Nếu giao cháu T cho bà Y nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu.

Do đó, để đảm bảo được sự ổn định về mặt tâm lý, tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ, việc giao hai con chung tên Phan Nhã U, Phan Văn Phúc T cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm tạo điều kiện để trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt và phù hợp với các quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đây cũng là đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Mặt khác, đối với việc nuôi con chung sau ly hôn: Bà Y có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y và ông P không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà Y cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Bùi Thị Mỹ Y được ly hôn với ông Phan Văn P.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Nhã U, sinh ngày 14/8/2018 và Phan Văn Phúc T, sinh ngày 28/02/2021.

Giao Phan Nhã U và Phan Văn Phúc T cho ông Phan Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà Bùi Thị Mỹ Y cho đến khi có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/7/2024, bà Bùi Thị Mỹ Y kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, giao trẻ Phan Nhã U cho bà Bùi Thị Mỹ Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại bản khai ngày 27/8/2024 bà Bùi Thị Mỹ Y xác định yêu cầu kháng cáo: Bà Bùi Thị Mỹ Y yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phan Văn Phúc T, trường hợp ông Phan Văn P giao hai trẻ Phan Nhã U, Phan Văn Phúc T cho bà Bùi Thị Mỹ Y trực tiếp nuôi dưỡng, bà Bùi Thị Mỹ Y cũng đồng ý.

Tại cấp phúc thẩm:

Bà Bùi Thị Mỹ Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Phan Văn P yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H có thông báo về việc thụ lý vụ án phúc thẩm cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H và đương sự.

Căn cứ Điều 290 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H có Quyết định đưa vụ án ra xét xử gửi cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H và các đương sự.

Hồ sơ vụ án cũng đã được chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H nghiên cứu theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thực hiện việc tổng đạt các Quyết định cho các bên đương sự đầy đủ.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 239, 297, 298, 301, 302, 303 và 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm đến thời điểm này nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1015/2024/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H được tuyên án ngày 09/7/2024.

Ngày 19/7/2024, Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ Y. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì kháng cáo còn trong thời hạn luật định và hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ Y kháng cáo một phần tranh chấp con chung của Bản án sơ thẩm số 1015/2024/HNGĐ-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà Y được chăm sóc nuôi dưỡng một trong hai con chung, con chung còn lại sẽ giao cho anh Phan Văn P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Y sẽ thăm nom con theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ Y, bị đơn ông Phan Văn P không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

Xét hôn nhân giữa bà Bùi Thị Mỹ Y và ông Phan Văn P là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TP, tỉnh QT cấp ngày 12/02/2018). Bà Bùi Thị Mỹ Y và ông Phan Văn P có hai con chung tên Phan Nhã U, sinh ngày 14/8/2018 theo Giấy khai sinh số 503/2018; Phan Văn Phúc T, sinh ngày 28/02/2021 theo Giấy khai sinh số 96/2021 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện HM, Thành phố H.

Về điều kiện nuôi con của ông P: Theo Hợp đồng lao động ngày 31/12/2022 giữa Công ty Cổ phần A và ông P, ông P hiện là công nhân của Công ty cổ phần A với mức thu nhập hàng tháng khoảng 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng. Ông P đang ở cùng với cha, mẹ ruột ở huyện HM, làm việc ở quận TP. Nếu tăng ca ông P sẽ nhờ ông bà nội hỗ trợ việc đưa đón, chăm sóc con.

Về điều kiện nuôi con của bà Y: Theo Hợp đồng lao động ngày 31/12/2022 giữa Công ty Cổ phần A và bà Y, bà Y hiện là công nhân của Công ty cổ phần A. Theo sao kê tài khoản của bà Y tại Ngân hàng Vietcombank với mức thu nhập hàng tháng khoảng 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng. Bà Y hiện đang ở nhờ nhà anh chị ở quận BT, nhà anh chị làm xưởng may gia công ở kế bên, bà Y làm việc tại quận TP. Nếu tăng ca, bà Y sẽ gọi con nhờ cô giáo đón hoặc anh chị đón.

Về nơi học tập của 02 trẻ: Hiện trẻ U đang học lớp Lá của trường mẫu giáo P tại xã ĐT, huyện HM, đã hoàn tất thủ tục nhập học lớp 01 ở một trường tiểu học gần nhà, Trẻ Phan Văn Phúc T đang học lớp Mầm của trường mẫu giáo P tại xã ĐT, huyện HM cùng trường với trẻ Nhã U. Hàng ngày ông P phụ trách đưa đón trẻ đi học, có sự phụ giúp của ông bà nội.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Xét về việc làm, thu nhập, thì cả bà Y và ông P đều đủ điều kiện như nhau nhưng trên thực tế con chung đang sống cùng với cha, trẻ đang đi học ở nhà trẻ gần nhà, đã hoàn tất thủ tục nhập học lớp 01, bên cạnh đó ông P còn có sự hỗ trợ, giúp đỡ của ông, bà nội nên việc đưa đón, chăm sóc, dạy dỗ con chung trong thời gian vừa qua không có vấn đề gì cần lưu ý. Ông P và gia đình chăm sóc trẻ U phát triển

tốt, việc học của trẻ U ổn định bình thường, sức khỏe tinh thần của trẻ phát triển tốt. Nguyên đơn cũng không có ý kiến về việc này. Trẻ U hiện chỉ 06 tuổi nên cũng không đủ điều kiện để xem xét nguyện vọng của trẻ. Việc thay đổi môi trường sống hiện tại sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của trẻ U cũng như việc học của trẻ khi chuẩn bị vào lớp 01.

Biên bản xác minh tại Công an xã ĐT, huyện HM xác nhận nội dung ông P cùng 02 trẻ Nhã U và Phúc T đang cư trú tại nhà không số, Ấp 6, xã ĐT, huyện HM, đồng thời tại Đơn xác nhận ngày 16/01/2024 tại Công an xã ĐT huyện HM xác định bà Y không cư trú tại Ấp 6, xã ĐT, huyện HM từ năm 2021 đến nay. Như vậy, có cơ sở xác định bà Y không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T từ khi cháu mới 08 tháng tuổi.

Theo tài liệu bà Y cung cấp tháng 11/2021 bà Y có mâu thuẫn với ông P và gia đình ông P vì vậy bà Y đã bỏ nhà ra đi, không còn ở cùng ông P và các con (Biên bản xác minh tại Công an xã ĐT ngày 16/01/2024). Bà Y rất muốn gặp các con khi con còn rất nhỏ (bà Y trình bày do có sự ngăn cản của mẹ ông P và ông P), nhưng bà Y không cung cấp được tài liệu chứng minh cho việc ngăn cản, cấm đoán của mẹ ông P và ông P. Tuy nhiên, theo Vi bằng bà Y cung cấp do Văn phòng Thừa phát lại Phan Muôn lập ngày 17/6/2024, bà Y có những hình ảnh khi đi chơi, thân thiết cùng hai con. Tại phiên tòa bà Y cũng thừa nhận ông P không có ngăn cản, cấm đoán việc bà Y thăm con.

Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Mỹ Y.

Bởi các lẽ trên,

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ Y.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015: Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1015/2024/HNGĐ-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Mỹ Y làm trong hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Mỹ Y và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mỹ Y (sau đây gọi là bà Y) và ông Phan Văn P (sau đây gọi là ông P) tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TP, tỉnh QT cấp ngày 12/02/2018, được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cấp sơ thẩm Quyết định cho bà Y ly hôn ông P; các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về tài sản chung, nợ chung: Cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu; các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Phan Nhã U, sinh ngày 14/8/2018 và Phan Văn Phúc T, sinh ngày 28/02/2021.

Cấp sơ thẩm đã Quyết định giao hai con chung tên Phan Nhã U và Phan Văn Phúc T cho ông Phan Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; xét thấy:

Việc giao con chung cho bà Y hay ông P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung trên cơ sở điều kiện nuôi con của người trực tiếp nuôi con. Bà Y và ông P đều yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét về điều kiện nuôi con của mỗi bên:

Về kinh tế: Ông P và bà Y hiện là công nhân của Công ty cổ phần A với mức thu nhập hàng tháng khoảng 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), với mức thu thập này của hai bên đương sự đảm bảo chi phí sinh hoạt và nuôi dưỡng con.

Về chỗ ở: Ông P đang cư trú tại nhà cha mẹ ruột, bà Y đang cư trú tại nhà chị ruột; như vậy cho thấy ông P, bà Y đều có chỗ ở ổn định.

Về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung:

Sau khi ông P và bà Y không còn sống chung với nhau từ tháng 11/2021, hai con chung được ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai trẻ đã được ông P cho đi học tại Trường mẫu giáo P tại xã ĐT, huyện HM, gần nơi cư trú của ông P, hiện nay trẻ Phan Nhã U đã được ông P hoàn tất thủ tục nhập học lớp 01 tại Trường tiểu học gần nơi ông P cư trú; trẻ Phan Văn Phúc T tiếp tục đang học tại Trường mẫu giáo P; hàng ngày ông P đưa đón các con đi học, ngoài ra có sự phụ giúp của ông bà nội các cháu. Các con chung được ông P chăm sóc, nuôi dưỡng thời gian qua phát triển bình thường, chưa có biểu hiện gì bất thường cần phải lưu ý; bà Y không có ý kiến về việc này.

Bà Y thừa nhận từ tháng 11/2021 không còn sống chung với ông P, không còn cư trú tại Ấp 6, xã ĐT, huyện HM, hai con chung do ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tại thời điểm này, hai con chung còn nhỏ, trẻ Phan Nhã U mới hơn 03 tuổi, trẻ Phan Văn Phúc T mới 08 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nhưng bà Y đã ra ngoài sinh sống, hai con sinh sống cùng với ông P và được ông P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày hôm nay. Bà Y trình bày việc bỏ đi khỏi nhà của gia đình ông P là do có mâu thuẫn với mẹ ruột ông P, gia đình ông P đã ngăn cản không cho bà Y thăm con nhưng bà Y chỉ trình bày, không có chứng cứ

chứng minh; lẽ ra trong trường hợp này, bà Y phải trình báo cơ quan bảo vệ trẻ em tại địa phương để nhận được sự hỗ trợ.

Về việc thăm nom, chăm sóc con chung:

Bà Y thừa nhận, trong quá trình bà Y, ông P không sống chung, ông P vẫn tạo điều kiện cho các con gặp mặt và vui chơi với bà Y, các lần các con gặp mặt và vui chơi với bà Y đã được bà Y chụp hình ghi nhận lại và đã thể hiện tại Vi bằng do Văn phòng Thừa phát lại Phan Muôn lập ngày 17/6/2024 do bà Y cung cấp. Như vậy, ông P không có hành vi ngăn cản bà Y thăm nom, chăm sóc con chung.

Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy bà Y không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; hai con chung được ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay, các con chung phát triển bình thường về tâm sinh lý.

Nhằm đảm bảo sự ổn định phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ, tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ; Cấp sơ thẩm đã Quyết định giao hai con chung tên Phan Nhã U, Phan Văn Phúc T cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm tạo điều kiện để trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt là có cơ sở, phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y; giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 293, Điều 294, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Bác kháng cáo của bà Bùi Thị Mỹ Y.

II. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1015/2024/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố H, cụ thể như sau:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mỹ Y ly hôn ông Phan Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 12/02/2018 do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TP, tỉnh QT cấp cho bà Bùi Thị Mỹ Y và ông Phan Văn P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Phan Nhã U, sinh ngày 14/8/2018 và Phan Văn Phúc T, sinh ngày 28/02/2021.

Giao hai con chung chưa thành niên trẻ Phan Nhã U, Phan Văn Phúc T cho ông Phan Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Bùi Thị Mỹ Y cho đến khi có yêu cầu của ông Phan Văn P.

Việc giao nhận con chung do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Án phí HNGĐ – ST: Bà Bùi Thị Mỹ Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017419 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM, Thành phố H.

III. Án phí HNGĐ – PT: Bà Bùi Thị Mỹ Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004887 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HM, Thành phố H.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPH;
- VKSND Cấp cao tại TPH;
- VKSND TPH;
- TAND HHM, TPH;
- Chi cục THADS HHM, TPH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức

